

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/DS-ST
Ngày 23-02-2021
V/v tranh chấp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Tôn Nám.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 526/2020/TLST-DS, ngày 06 tháng 10 năm 2020, về việc tranh chấp hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 437/2020/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Bé B, sinh năm 1966.

2. Ông Ngô Quốc K, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp cho ông Ngô Quốc K: Bà Nguyễn Bé B, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 10 năm 2020 - Có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Võ Thị N (Vắng mặt).

2. Ông Đặng Văn L (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2020, đơn yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện ngày 22 tháng 02 năm 2021 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Bé B trình bày: Bà Võ Thị N và ông Đặng Văn L có tham gia hội do bà và ông Ngô Quốc K làm chủ, hội ngày 10.000 đồng vào ngày 26/3/2016 (âm lịch), mỗi dây 117 chung, tổng cộng 10 dây là 1.170 chung, bà N và ông L tham gia 300 chung. Vào ngày 26/3/2016 (âm lịch) bà N bỏ giá là 1.500 đồng/01 chung để hốt hội, bà giao cho bà N hết 300 chung trong một lần trong một ngày với số tiền là 295.350.000 đồng. Dây hội mở vào ngày 25/5/2016 (âm lịch), hội 10.000 đồng, mỗi dây 110 chung, tổng cộng 10 dây là 1.110 chung. Bà N và ông L tham gia 300 chung và hốt cùng ngày 25/5/2016 (âm lịch), bỏ với giá là 1.500 đồng/01 chung để hốt, bà giao cho bà N hết 300 chung trong một lần trong một ngày với số tiền 277.500.000 đồng, cả hai dây hội này đều đã mãn. Sau khi hốt hội bà N và ông L không đóng hội chết đầy đủ cho bà mà còn nợ số tiền hội của 02 dây hội trên với số tiền 338.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ vào ngày 11/9/2017 do bà N trực tiếp ký.

Ngoài ra, bà N và ông L còn tham gia hội 2.000.000 đồng, mở vào ngày 15/01/2016 (âm lịch), gồm 41 chung, bà N và ông L tham gia 01 chung, bà N bỏ hội hốt vào ngày 15/7/2016 (âm lịch). Dây hội 3.000.000 đồng, mở vào ngày 30/6/2017 (âm lịch), gồm 35 chung, bà N và ông L tham gia 01 chung, hốt hội vào ngày 30/6/2017 (âm lịch). Bà đã giao hội đầy đủ cho vợ chồng bà N và ông L nhưng sau khi hốt hội thì bà N và ông L không đóng hội chết đầy đủ cho bà và ông K nên bà và ông K yêu cầu giải quyết buộc bà N và ông L trả tổng số tiền hội còn nợ là 440.950.000 đồng. Nay bà B và ông K thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu giải quyết buộc bà N và ông L trả số tiền hội còn nợ 338.000.000 đồng.

Bị đơn bà Võ Thị N và ông Đặng Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Bé B và ông Ngô Quốc K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc bà Nguyễn Bé B và ông Ngô Quốc K khởi kiện bà Võ Thị N và ông Đặng Văn L trả số tiền hội còn nợ nên đây là vụ án tranh chấp hội là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà N và ông L cùng cư trú tại ấp V, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Võ Thị N và ông Đặng Văn L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn

tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N và ông L là đúng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Bé B và ông Ngô Quốc K thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu giải quyết buộc bà Võ Thị N và ông Đặng Văn L trả số tiền hui còn nợ là 338.000.000 đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi đơn khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét về nội dung tranh chấp, bà B và ông K cho rằng bà N và ông L có tham gia 02 dây hui ngày 10.000 đồng mở vào các ngày 26/3/2016 (âm lịch) và 25/5/2016 (âm lịch) do bà B và ông K làm chủ. Vợ chồng bà N và ông L đã hót hui hết, bà B và ông K đã giao hui đầy đủ nhưng bà N và ông L không đóng hui cho bà B và ông K mà còn nợ số tiền của 02 dây hui trên là 338.000.000 đồng đến nay không trả. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì bà B và ông K có cung cấp cho Tòa án một biên nhận nợ ngày 11/9/2017, do bà Võ Thị N ký xác lập, nội dung thể hiện bà N có nợ số tiền đúng như bà B và ông K đã khai. Quá trình giải quyết vụ án bà N và ông L không có ý kiến phản đối về nội dung khởi kiện và chứng cứ do bà B và ông K cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố. Từ đó, có đủ cơ sở xác định bà N và ông L còn nợ bà B và ông K số tiền hui là 338.000.000 đồng và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B và ông K, buộc bà N và ông L trả toàn bộ số nợ trên cho bà B và ông K là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà N và ông L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng điều 471 của Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bé B và ông Ngô Quốc K. Buộc bà Võ Thị N và ông Đặng Văn L trả cho bà Nguyễn Bé B và ông Ngô Quốc K số tiền hui còn nợ là 338.000.000 (Ba trăm ba mươi tám triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà Võ Thị N và ông Đặng Văn L phải chịu 16.900.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Huệ